

**DỰ THẢO TÀI LIỆU HỌP ĐẠI
HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NSG 2025**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN
Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và định hướng năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn báo cáo hoạt động của HĐQT về giám sát kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và định hướng năm 2025 như sau:

I. VỀ NHÂN SỰ HĐQT ĐƯƠNG NHIỆM

Danh sách Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 gồm:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Hoạt động
1	Vũ Ngọc Nam	Chủ tịch	Kiểm nhiệm
2	Phạm Thanh Phong	Thành viên	Thường trực, TGD
3	Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	Không thường trực
4	Đào Công Năm	Thành viên	Không thường trực
5	Huỳnh Tân Phước	Thành viên	Không thường trực

II. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Tình hình chung

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (HĐQT) có nhiều biến động về nền kinh tế, xã hội và các chính sách chế độ về lương, thuế, tiền thuê đất,... => Điều này đã gây những khó khăn rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính trong năm 2024

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, HĐQT đã triển khai các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh của năm trên cơ sở thực tế thực lực Công ty và tập trung chỉ đạo, giám sát Ban điều hành về hợp tác với các đơn vị cùng ngành, các đơn vị gia công dựa trên khuôn mẫu, máy móc thiết bị sẵn có với mục đích tìm nguồn doanh thu.

Trong năm, HĐQT thực hiện chức năng giám sát chặt chẽ để đảm bảo công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đúng nhiệm vụ chức năng.

3. Đánh giá kết quả hoạt động trong năm 2024

Theo kết quả kinh doanh nêu trong báo cáo tài chính năm 2024, HĐQT nhận thấy kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 không đạt chỉ tiêu, âm về lợi nhuận. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 không đạt chỉ tiêu kế hoạch do những nguyên nhân:

- Không có nguồn vốn để mua nguyên liệu đầu vào như: nhựa, màu, vật tư phụ,...dẫn đến sản xuất không liên tục, không có lượng hàng tồn kho để phục vụ khách hàng;
- Nợ tiền về thuế VAT dẫn đến việc không thể xuất hóa đơn;
- Nợ tiền thuê đất, tiền bảo hiểm xã hội, nợ lương Người lao động nhiều tháng;
- Chiến lược phát triển kinh doanh/bán hàng chưa thực sự hiệu quả;
- Chưa khai thác hết năng lực máy móc thiết bị;
- Chưa khai thác hết tiềm lực, lợi thế mặt bằng mà Công ty hiện đang quản lý sử dụng, hàng năm phải trả chi phí thuê đất rất lớn nhưng không khai thác.

4. Hoạt động của HĐQT

HĐQT Công ty gồm có năm (05) thành viên, trong đó có một (01) chủ tịch, bốn (04) thành viên.

Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế, Điều lệ Công ty, quy định của Pháp luật và Nhà nước. Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết đã được ban hành.

Hội đồng Quản trị tổ chức các cuộc họp để đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành, đề ra các chủ trương, giải pháp chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty.

5. Tình hình thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt, với tinh thần trách nhiệm cao, giám sát và chỉ đạo Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong năm 2024 luôn bám sát tình hình diễn biến thực tế của thị trường để đề ra các quyết sách đúng đắn, phù hợp và thể hiện sự tích cực trong công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành nhằm đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

HĐQT xin báo cáo đến Quý cổ đông các vấn đề thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2024 như sau:

- Về lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024:

Trong năm, Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) để thực hiện kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng đã đăng ký giao dịch trên sàn Upcom.

III. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2025

Năm 2024, Hội đồng Quản trị chủ trương đề ra các mục tiêu chiến lược định hướng phát triển Công ty theo hướng duy trì ổn định sản xuất, đồng thời đảm bảo phát huy hiệu quả sản xuất chính trên cơ sở thiết lập cơ chế kiểm soát và hạn chế các rủi ro, tập trung vào các vấn đề sau:

1. HĐQT phối hợp Ban điều hành triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất kinh doanh, nghiên cứu và phát triển thêm nhiều phương thức kinh doanh mới nhằm đạt doanh thu, lợi nhuận mong muốn.

2. HĐQT tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành tại đơn vị.

3. HĐQT ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để đảm bảo hoạt động đúng theo các quy định và đạt hiệu quả.

4. Tiếp tục đề xuất công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh giảm gọn nhẹ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành sản xuất của Công ty.

5. Xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng để đạt mục tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2025.

Trên đây là báo cáo của HĐQT năm 2025, kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu HĐQT.

Vũ Ngọc Nam

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn (NSG);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của NSG;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông các nội dung như sau:

A. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024:

I. Thành viên Ban Kiểm soát:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của NSG, thành viên Ban Kiểm soát năm 2024 gồm có:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Ông Huỳnh Mẫn Thành	Thành viên Ban Kiểm soát	29/6/2024	0%	Không có
2	Ông Mai Thanh Quang	Thành viên Ban Kiểm soát	29/6/2024	0%	Không có
3	Ông Lê Ngọc Phúc Hào	Thành viên Ban Kiểm soát	29/6/2024	0%	Không có

II. Hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

1. Số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi	Tỷ lệ tham	Tỷ lệ biểu	Lý do không
-----	----------------	---------	------------	------------	-------------

		hợp tham dự	dự hợp	quyết	tham dự hợp
1	Ông Huỳnh Mẫn Thành	02	100%	100%	
2	Ông Mai Thanh Quang	02	100%	100%	
3	Ông Lê Ngọc Phúc Hào	02	100%	100%	

2. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát (BKS):

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGD), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- Báo cáo đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản trị của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Luật doanh nghiệp.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Và kiểm tra một số công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

3. Đánh giá chung hoạt động Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát tuân thủ hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã ban hành.

Người phụ trách Ban Kiểm soát thể hiện vai trò tích cực trong công tác kiểm tra, xem xét và đánh giá hoạt động của Công ty một cách khách quan, trung thực, đúng chuyên môn nghiệp vụ và pháp luật quy định.

Người phụ trách Ban Kiểm soát trong năm đã đại diện Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị; thường xuyên trao đổi với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty và cho ý kiến đề xuất trong việc giải quyết, tháo gỡ những vấn đề khó khăn.

Tuy nhiên, Ban Kiểm soát lưu ý rằng: hiện tại Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên theo cơ cấu được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nhưng thực tế chỉ có 01 thành viên đang trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, 01 thành viên đã có đơn xin từ nhiệm kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2024 và 01 thành viên còn lại chưa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Do đó, để đảm bảo hoạt động giám sát được thực hiện đầy đủ, khách quan và tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng như Điều lệ Công ty, đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, chỉ đạo HĐQT sớm thực hiện việc kiện toàn Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024–2029, cụ thể là bầu bổ sung Kiểm soát viên nhằm đảm bảo cơ cấu tổ chức và năng lực hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng quy định pháp luật.

III. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

1. Lương, thù lao của Ban Kiểm soát năm 2024:

Thành viên BKS	Chức danh	Tổng lương và lợi ích khác (ĐVT: đồng)	Tổng mức thù lao (ĐVT: đồng)
Ông Huỳnh Mẫn Thành	Thành viên	0	0
Ông Mai Thanh Quang	Thành viên	0	0
Ông Lê Ngọc Phúc Hào	Thành viên	0	0

2. Chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban Kiểm soát năm 2024:

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát: Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát. Tuy nhiên nhận thấy tình hình tài chính của Công ty có nhiều khó khăn nên các thành viên Ban Kiểm soát không tính chi phí hoạt động với Công ty và tự trang trải các khoản chi phí có liên quan tới phần công việc của mình.

- Lợi ích khác của Ban Kiểm soát: Không có.

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2024:

I. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện		Tỷ lệ (%)	
		Năm 2024	Năm 2023	TH2024/ KH2024	TH2024/ TH2023
1	2	3	4	5=3/2	6=3/4
Tổng doanh	16.323.000.000	11.147.388.249	23.192.635.039	68,29%	48,06%

thu và thu nhập khác					
Lợi nhuận trước thuế	1.000.000.000	(9.759.132.938)	(3.680.065.154)	-	-
Nộp Ngân sách	1.500.000.000	1.500.000.000	700.000.000	100%	214,29%

Tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện đến hết năm 2024 là 11.147.388.249 đồng, đạt 68,29% so với kế hoạch, đạt 48,06% so với cùng kỳ;

Lợi nhuận trước thuế cả năm là âm 9.759.132.938 đồng dẫn đến khoản lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2024 của NSG là âm 111.623.620.822 đồng, đồng thời khoản lỗ lũy kế đã vượt vốn điều lệ là âm 22.206.751.727 cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh NSG không hiệu quả.

Về tổng thể, theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của NSG, tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 71/BCKT/TC/2025/AASCS ngày 28 tháng 02 năm 2025, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ với các nội dung cụ thể ở mục III.

II. Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết HĐQT, Biên bản họp HĐQT và kiến nghị của Ban Kiểm soát:

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, Biên bản họp HĐQT ban hành năm 2024 như sau:

Qua xem xét kết quả thực hiện công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết và Biên bản họp HĐQT năm 2024 do ĐHĐCĐ thực hiện vào ngày 29 tháng 6 năm 2024, thời điểm đã gần hết quý 2 nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các nội dung:

NSG cần tích cực quan tâm và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐH/NSG ngày 29/6/2024 chưa được thông qua như sau:

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, điều chỉnh Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2019-2024.
- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, điều chỉnh Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024.
- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, điều chỉnh Báo cáo chi phí, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 và báo cáo chi phí, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024.
- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, điều chỉnh Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, điều chỉnh Báo cáo tài chính năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 đã được kiểm toán theo đúng quy định pháp luật.
- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty theo đúng quy định pháp luật.
- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng quy định pháp luật.

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của Ban Kiểm soát: Không có.

III. Báo cáo tài chính và đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:

1. Báo cáo tài chính năm 2024:

Qua kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Công ty, các chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: đồng

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.752.593.531	8.302.526.677
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	672.490.352	179.477.110
Tiền	111		672.490.352	179.477.110
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.10.1	-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		800.000.000	800.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(800.000.000)	(800.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.235.536.943	1.529.084.429
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.449.411.829	8.203.138.885
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.572.421.296	2.622.056.532
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.445.807.395	935.992.589
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.232.103.577)	(10.232.103.577)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	2.446.514.916	6.593.965.138
Hàng tồn kho	141		2.446.514.916	6.593.965.138
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		398.051.320	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.1	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.13	398.051.320	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.483.635.254	62.733.719.008
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		44.153.326.382	49.891.659.562
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	43.798.886.382	49.537.219.562
- Nguyên giá	222		123.370.285.588	134.736.062.624
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.571.399.206)	(85.198.843.062)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	354.440.000	354.440.000
- Nguyên giá	228		505.400.674	505.400.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(150.960.674)	(150.960.674)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10.2	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.330.308.872	12.842.059.446
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.2	12.330.308.872	12.842.059.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		68.236.228.785	71.036.245.685

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.442.980.511	83.483.864.474
I. Nợ ngắn hạn	310		88.675.980.511	83.483.864.474
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	28.650.896.281	27.887.327.326
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.740.509.410	3.096.583.439

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	18.302.816.485	14.862.092.000
Phải trả người lao động	314	V.14	1.080.117.766	933.880.808
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.082.530.660	4.438.918.955
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	10.765.473.438	9.552.414.475
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	22.053.636.471	22.712.647.471
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.767.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1.767.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(22.206.751.727)	(12.447.618.789)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	(22.206.751.727)	(12.447.618.789)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		86.392.080.000	86.392.080.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.708.770.000	2.708.770.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		316.019.095	316.019.095
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(111.623.620.822)	(101.864.487.884)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(101.864.487.884)	(98.184.422.730)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(9.759.132.938)	(3.680.065.154)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		68.236.228.784	71.036.245.685

V. Kết quả kinh doanh	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu	11.147.388.249	23.192.635.039
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.878.082.919	16.323.542.394
- Doanh thu hoạt động tài chính	153.322	228.074
- Thu nhập khác	269.152.008	6.868.864.571
2. Tổng chi phí	20.906.521.187	26.872.700.193
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	(9.759.132.938)	(3.680.065.154)
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	(9.759.132.938)	(3.680.065.154)

(Số liệu căn cứ trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2024)

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị đã được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 71/BCKT/TC/2025/AASCS ngày 28 tháng 02 năm 2025, cụ thể:

“...Theo sổ sách ghi nhận ngày 29/02/2024 Công ty có thanh lý tài sản cố định là khuôn máy với tổng nguyên giá là 11.365.777.036 đồng và hao mòn lũy kế tính đến ngày 29/02/2024 là 10.819.138.116 đồng, và giá trị thanh lý tài sản thu bằng tiền là 474.100.000 đồng, chúng tôi chưa thu thập được cơ sở pháp lý về việc thanh lý nêu trên.

- Đối với công nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2024, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi vẫn chưa thu thập được xác nhận đầy đủ, trong đó số chưa xác nhận và đang đối chiếu số liệu 1.973.766.624 đồng chiếm 23,36% tổng công nợ phải thu khách hàng, công nợ phải thu lâu năm khó đòi đã trích dự phòng phải thu khách hàng khó đòi là 5.989.181.024 đồng chiếm 70,88% công nợ phải thu khách hàng, tất cả công nợ này đã gửi thư xác nhận nợ tại ngày 31/12/2024 nhưng vẫn chưa có ý kiến phúc đáp.

- Đối với khoản vay tại ngày 31/12/2024 đã quá hạn thanh toán, chúng tôi vẫn chưa thu thập được thư xác nhận của ngân hàng cũng như đối tác (Xem thuyết minh V.17) với số tiền được ghi nhận là 22.053.636.471 đồng, trong đó khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đang được thi hành án theo Quyết định số 280/QĐ-CCTHADS ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8 & khoản vay Công ty TNHH Tân Phúc Hồng đang được thi hành án theo Quyết định số 351/QĐ-CCTHADS ngày 19/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5”.

Ban Kiểm soát đề nghị Tổng Giám đốc cần lưu ý thực hiện giải trình và đưa ra các biện pháp khắc phục theo ý kiến của đơn vị kiểm toán.

Ngoài ra, tại mục Vấn đề khác, AASCS có ý kiến như sau: “Công ty hiện có khoản nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục (xem thuyết minh mục VIII.5) và vấn đề đã được nêu ý kiến kiểm toán năm 2023 là ý kiến “Từ chối đưa ra ý kiến”. Tuy nhiên, năm 2024 Công ty đã khắc phục (Xem thuyết minh VIII.6) là cơ sở để đưa ra ý kiến kiểm toán cho năm 2024”, cụ thể:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN5 TP. HCM

Công ty nhận kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN5 TPHCM. Theo bản án, Công ty có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng số tiền gốc 11.337.155.362 VND.

- Khoản vay Công ty TNHH Tân Phúc Hồng

Công ty nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Toà án Nhân dân Quận 5, TP.HCM số 48/2020/QĐST-KDTM ngày 16/10/2020 về việc Công ty CP Nhựa Sài Gòn có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Tân Phúc Hồng số tiền thiếu gồm gốc 4.206.658.375 VND và lãi chậm nhất đến ngày 10/03/2021. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 31/12/2024, Công ty vẫn chưa thanh toán dư nợ còn lại của khoản nợ này với số tiền ghi nhận là 2.924.633.939 VND.

- Công nợ phải trả Ông Lê Văn Thành

Căn cứ theo Biên bản họp ngày 20/06/2019 giữa Công ty CP Nhựa Sài Gòn và Ông Lê Văn Thành về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền thuê đất tại mặt bằng số 165 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh. Theo Biên bản họp hai bên thống nhất huỷ bỏ giao dịch chuyển nhượng tài sản gắn liền và quyền thuê đất tại mặt bằng trên, theo đó Công ty CP Nhựa Sài Gòn phải hoàn trả cho Ông Lê Văn Thành số tiền theo hợp đồng là 23.003.000.000 VND và lãi trả chậm theo lãi suất vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương chi nhánh Sài Gòn từ ngày nhận khoản vay 27/12/2017 theo thư xác nhận tại ngày 30/06/2023. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 Công ty vẫn chưa thanh toán khoản nợ này.

- Theo công văn số 2392/QĐ-CT-CC ngày 17/12/2024 của Chi Cục thuế Quận 5, công ty đang có khoản nợ tiền thuê đất 15.355.248.164 VND, tại ngày 31/12/2024 tiền thuê đất còn nợ 16.563.754.047 VND, đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc công ty bị cưỡng chế thuế bằng hình thức phong tỏa tài khoản, ngừng sử dụng hoá đơn từ ngày 07/06/2024 đến ngày 06/06/2025 theo Quyết định số 1121/QĐ-CT-CC ngày 07/06/2024 của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình hoạt động của công ty. Hiện nay Ban Tổng Giám đốc đang triển khai phương án xử lý ở năm 2025.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong năm 2024 là (9.759.132.938) đồng dẫn đến khoản lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2024 của Công ty là âm (111.623.620.822) đồng, đồng thời khoản lỗ lũy kế đã vượt vốn điều lệ là âm (22.206.751.727) đồng. Bên cạnh đó chỉ số thanh toán ngắn hạn của công ty nhỏ hơn 1; Các khoản vay ngắn hạn, nợ quá hạn và tiền lãi vay đã quá hạn thanh toán với giá trị lần lượt là 22.053.636.471 đồng; 23.003.000.000 đồng; 5.999.509.260 đồng. Những chỉ tiêu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty.

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) với ý kiến kiểm toán dạng "từ chối đưa ra ý kiến". Năm 2024, Công ty đã khắc phục tình trạng của năm 2023 để lại như tổ chức bộ máy kế toán, phòng kinh doanh, Công ty đã xử lý những vấn đề lớn như sau:

- Đối với kho hàng hoá Công ty đã tiến hành kiểm kê 100% hàng hoá tồn kho và tính toán hàng nhập xuất kho theo từng phiếu nhập và phiếu xuất kho theo phương pháp bình quân theo tháng, đối chiếu với bảng kê hàng bán phòng kinh doanh để xác định giá trị hàng tồn kho thực tế, giá vốn hàng bán và giá trị tồn kho đầu kỳ, trong đó Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho thiếu hụt (lũy kế từ nhiều năm) theo ước tính kế toán là 5.284.485.220 đồng và hạch toán "tài sản thiếu chờ xử lý". Hiện Công ty sẽ trình Đại hội cổ đông năm 2025 phương án xử lý.

- Đối với tài sản cố định khi kiểm kê thực tế, do có sự thay đổi phần mềm kế toán và tài sản cố định thực tế lẫn lộn giữa tài sản là các khuôn gia công ký gửi và không có đánh số tham chiếu nên có sự khác biệt giữa tài sản theo biên bản kiểm kê và tài sản tính khấu hao của phần mềm. Đơn vị đang rà soát và tìm hiểu nguyên nhân để xử lý khắc phục.

- Đối với việc ghi nhận doanh thu năm 2024, Công ty đã đối chiếu từng phiếu nhập kho và phiếu xuất kho thành phẩm trong kỳ, đối chiếu với phòng kinh doanh để xác định doanh thu bán trong kỳ cũng như hàng hoá nhập xuất trong kỳ để ghi nhận đầy đủ theo số thực tế, tuy nhiên, do có sự cưỡng chế nợ thuế và cưỡng chế hoá đơn thì việc ghi nhận doanh thu khai thuế GTGT và doanh thu sổ sách có sự khác biệt vì lý do nêu trên.

Nhận xét chi tiết:

- Tổng tài sản cuối năm 2024 đạt 68,236 tỷ đồng, giảm khoảng 3,95% so với cuối năm 2023 (71,036 tỷ đồng), mức giảm chủ yếu do hàng tồn kho giảm mạnh (từ 6,594 tỷ năm 2023 xuống còn 2,447 tỷ cuối 2024). Ngoài ra, Ban Kiểm soát thấy có thanh lý tài sản cố định là khuôn máy với tổng nguyên giá là 11.365.777.036 đồng và hao mòn lũy kế tính đến ngày 29/02/2024 là 10.819.138.116 đồng, và giá trị thanh lý tài sản thu bằng tiền là 474.100.000 đồng nhưng chưa có đầy đủ hồ sơ pháp lý về việc thanh lý. Điều này tiềm ẩn nguy cơ tranh chấp hoặc xử phạt nếu việc thanh lý không tuân thủ quy trình (thành lập Hội đồng thanh lý, đấu giá hoặc thẩm định giá...).

- Nợ phải trả tăng lên 90,443 tỷ đồng (tăng 6,96 tỷ, ~8,3%). Toàn bộ nợ tăng thêm chủ yếu là nợ ngắn hạn phục vụ vốn lưu động. Nợ ngắn hạn chiếm 98% tổng nợ (88,676 tỷ). Đáng chú ý, cuối 2024 Công ty ghi nhận 1,767 tỷ đồng nợ dài hạn, là khoản phải trả dài hạn khác mới phát sinh (năm 2023 không có nợ dài hạn).

- Vốn chủ sở hữu âm 22,207 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024, giảm mạnh so với mức âm 12,448 tỷ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau thuế trong năm 2024 lỗ (gần 9,759 tỷ đồng)

làm tăng lỗ lũy kế lên 111,624 tỷ đồng, vượt mức vốn điều lệ (86,392 tỷ). Đồng thời đã nhiều năm liền vốn chủ sở hữu âm và mức âm đã ở mức rất nghiêm trọng.

- Doanh thu thuần năm 2024 đạt 10,878 tỷ đồng, giảm 33% so với năm trước (16,324 tỷ). Việc sụt giảm doanh thu một phần do thị trường khó khăn, và đặc biệt do NSG bị ngừng sử dụng hóa đơn từ giữa năm 2024 khiến hoạt động bán hàng gặp trở ngại lớn.

- Lợi nhuận gộp: Năm 2024, Công ty bị lỗ gộp 1,091 tỷ do giá vốn hàng bán vượt doanh thu (giá vốn 11,969 tỷ so với doanh thu 10,878 tỷ). Trong khi năm 2023 Công ty có lãi gộp 3,307 tỷ, cho thấy biên lợi nhuận gộp đã suy giảm nghiêm trọng. Điều này cho thấy giá vốn tăng cao (chi phí nguyên liệu, sản xuất tăng) hoặc NSG phải bán hàng dưới giá vốn để thu hồi vốn.

- Chi phí hoạt động: Tổng Giám đốc đã nỗ lực cắt giảm chi phí trong năm 2024:

+ Chi phí bán hàng giảm từ 2,065 tỷ (2023) xuống 1,044 tỷ (2024), giảm ~49%.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm mạnh từ 10,284 tỷ xuống 5,804 tỷ (giảm ~44%).

- Kết quả kinh doanh: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (sau chi phí tài chính, bán hàng, quản lý) năm 2024 là -9,521 tỷ (lỗ), cải thiện nhẹ so với mức -10,428 tỷ năm 2023. Tuy nhiên, lợi nhuận khác (chủ yếu từ hoạt động bất thường) năm 2024 không đáng kể, trong khi năm 2023 Công ty có khoản thu nhập khác lớn (khoảng 6,869 tỷ). Nhờ khoản thu nhập đột biến năm 2023, lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm xuống còn 3,680 tỷ, nhỏ hơn so với số lỗ năm 2024 (9,759 tỷ). Như vậy, năm 2024 đã phản ánh đúng thực trạng hoạt động kinh doanh yếu kém của NSG.

- Khả năng thanh toán: Tại 31/12/2024, tài sản ngắn hạn chỉ có 11,753 tỷ trong khi nợ ngắn hạn lên tới 88,676 tỷ. Chỉ số thanh toán ngắn hạn chỉ đạt ~0,13, giảm so với ~0,20 của năm trước, cho thấy rủi ro thanh khoản rất cao. Tài sản ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải thu (8,235 tỷ), tuy nhiên trong đó có 10,232 tỷ đồng nợ phải thu khó đòi đã trích dự phòng. Tiền mặt và tương đương tiền chỉ còn 0,672 tỷ, gần như không đáng kể. Từ đó cho thấy NSG không đủ tài sản lưu động để trang trải nợ đến hạn.

Từ các nội dung đã phân tích cho thấy, tình hình tài chính của NSG trong năm 2024 là rất đáng quan ngại: tổng tài sản có xu hướng suy giảm, nợ phải trả tiếp tục gia tăng, lỗ lũy kế ở mức rất cao và khả năng thanh khoản yếu. Công ty tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh thua lỗ nghiêm trọng, vốn chủ sở hữu bị âm và đang chịu áp lực tài chính lớn trong ngắn hạn. Đồng thời, các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán và an toàn tài chính đều đang ở mức rủi ro cao, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục nếu không có giải pháp khắc phục kịp thời.

2. Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu và số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Số tiền tăng (giảm)
I	Tổng tài sản	68.236.228.785	71.036.245.685	(2.800.016.900)
1	Tài sản ngắn hạn	11.752.593.531	8.302.526.677	3.450.066.854
2	Tài sản dài hạn	56.483.635.254	62.733.719.008	(6.250.083.754)

II	Nguồn vốn	68.236.228.784	71.036.245.685	(2.800.016.901)
1	Nợ phải trả	90.442.980.511	83.483.864.474	6.959.116.037
2	Vốn chủ sở hữu	(22.206.751.727)	(12.447.618.789)	(9.759.132.938)

Vốn chủ sở hữu đến hết năm 2024 tiếp tục giảm số tiền là 9.759.132.938 đồng, cụ thể:

- Vốn Chủ sở hữu hiện có đầu năm 2024: âm 12.447.618.789 đồng;
- Vốn Chủ sở hữu hiện có đến cuối năm 2024: âm 22.206.751.727 đồng.

Hệ số bảo toàn vốn $H = -22.206.751.727 \text{ đồng} / -12.447.618.789 \text{ đồng} = 1,78 > 1$.

Lưu ý: Trong trường hợp vốn chủ sở hữu âm, hệ số H tuy có giá trị dương nhưng lại phản ánh mức độ suy giảm vốn tăng thêm, không mang ý nghĩa tích cực như khi vốn dương.

Trong năm 2024, vốn chủ sở hữu tiếp tục giảm thêm 9.759.132.938 đồng, phản ánh tình trạng lỗ lũy kế tăng cao và sự suy giảm nghiêm trọng về năng lực tài chính của công ty, đồng thời Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc NSG chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục lỗ lũy kế trong năm vừa qua.

Ngoài ra, vốn chủ sở hữu âm đồng nghĩa với nguy cơ mất an toàn tài chính nghiêm trọng có rủi ro bị hủy niêm yết hoặc hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định của Ủy ban Chứng khoán hoặc xấu hơn là phá sản nếu không có biện pháp khắc phục.

- Về giám sát tài chính đặc biệt NSG:

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên (Tổng Công ty) đã ban hành Quyết định số 57/QĐ-HĐTV về việc thực hiện giám sát tài chính đặc biệt đối với NSG.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, nhóm Người đại diện phần vốn tại NSG có Báo cáo số 21/CNS-ĐDV(NSG) về thực hiện giám sát tài chính đặc biệt NSG,

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, Hội đồng thành viên Tổng Công ty đã có Công văn số 27/CNS-HĐTV về rà soát Báo cáo số 21/CNS-ĐDV(NSG), theo đó: “*Ghi nhận đối với Phương án khắc phục khó khăn tài chính, Phương án cơ cấu lại tổ chức, hoạt động kinh doanh và tài chính của nhóm Người đại diện phần vốn tại Công ty NSG*” và “*Đề nghị nhóm Người đại diện phần vốn tại Công ty NSG tiếp tục thực hiện báo cáo các nội dung theo Bước 3, Bước 4 của Quy trình xử lý kèm theo Quyết định số 57/QĐ-HĐTV ngày 09 tháng 10 năm 2023*”. Tuy nhiên đến nay nhóm Người đại diện phần vốn tại NSG (thành viên HĐQT) chưa thực hiện báo cáo các nội dung theo Bước 3, 4 của Quy trình.

3. Tình hình quản lý công nợ Công ty:

- + Phải thu khách hàng (131): 8.449.411.829 đồng.
- + Phải thu khác (1388): 1.870.146.847 đồng.
- + Phải trả khách hàng (331): 28.725.896.281 đồng.
- + Phải trả khác (3388): 5.294.218.432 đồng.

Nợ không có khả năng thu hồi:

- Nợ không có khả năng thu hồi: 10.232.103.577 đồng. Đối với các khoản công nợ này công ty trích dự phòng 100% với số tiền: 10.232.103.577 đồng, cụ thể:

NỢ XẤU	Giá gốc	Dự phòng
+ Phải thu khách hàng	5.989.181.024	5.989.181.024
- Công ty TNHH Saplast Vientiane	1.578.627.857	1.578.627.857
- DB Global Connections LLC	1.400.000.000	1.400.000.000
- UBND Tỉnh Hủa Phăn (Lào)	565.204.980	565.204.980
- Công ty TNHH TM DV IKM	600.132.469	600.132.469
- Công ty TNHH SX TM & DV TTN	546.700.000	546.700.000
- Công ty CP Thủy Sản Nam Sông Hậu	400.000.000	400.000.000
- Khác	898.515.718	898.515.718
+ Trả trước người bán	2.295.864.532	2.295.864.532
- Công ty TNHH Trọng Pháp	761.600.000	761.600.000
- CTCP Kiến trúc PI	600.000.000	600.000.000
- TT Nghiên cứu UDCN &QLMT	250.000.000	250.000.000
- Công ty Asam Golbal	269.224.532	269.224.532
- Khác	415.040.000	415.040.000
+ Khác	1.947.058.021	1.947.058.021
Cộng	10.232.103.577	10.232.103.577

Tổng khoản phải thu ngắn hạn khách hàng cuối 2024 là 8,449 tỷ đồng, tuy nhiên có tới 70,9% (5,989 tỷ) là nợ lâu năm đã trích lập dự phòng và thêm 23,4% (1,974 tỷ) là nợ chưa đối chiếu xác nhận được. Từ các nội dung nêu trên, Ban Kiểm soát nhận thấy gần như toàn bộ khoản phải thu đều có vấn đề về khả năng thu hồi. Rủi ro mất vốn từ các khoản phải thu rất cao, ảnh hưởng xấu đến dòng tiền và NSG đang tồn tại lượng lớn nợ xấu không có khả năng thu hồi.

4. Tình hình và khả năng thanh toán nợ:

Các khoản nợ từ ngân hàng, khách hàng:

Stt	Tên Ngân hàng	31/12/2024 (VNĐ)
1	Ngân hàng TMCP Quân Đội – MB	1.614.898.384
2	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN – Eximbank	4.076.948.786
3	Ngân Hàng Vietinbank– CN5	10.888.155.362
4	Công ty TNHH Tân Phúc Hồng	3.073.633.939 ¹
5	Công ty TNHH Toa Vina	2.000.000.000 ²
	Tổng cộng	22.053.636.471

- Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng:

+ Ngân hàng Eximbank, hình thức vay: tín chấp;

¹ Theo Quyết định số 351/QĐ-CCTHADS (Thi hành án theo yêu cầu ngày 19/11/2020)

² Theo Hợp đồng cho vay tiền số 17022020 ngày 17/02/2020 và số 02032020 ngày 02/03/2020. Kèm theo các chứng từ liên quan.

+ Ngân hàng MB là vay có tài sản đảm bảo bằng máy ép phun 1400 tấn WOOJIN Model DL1300/1800S_IH153.

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Viettinbank) – Chi nhánh 5: vay được xét tham gia chương trình kích cầu thành phố, thời hạn vay là 07 năm đến quý IV năm 2021. Hình thức vay có tài sản đảm bảo được hình thành từ dự án.

Các khoản nợ ngân sách nhà nước đến hết năm 2024:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	31/12/2024 (VNĐ)
1.	Nợ tiền thuế (thuê đất, phạt chậm nộp)	16.563.754.047
2.	Nợ kinh phí công đoàn	333.278.637
3.	Nợ BHXH, BHYT, BHTN	4.386.195.591
4.	Lương CB-CNV	1.350.117.766
	Tổng cộng	22.633.346.041

NSG đã không hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đối với Nhà nước, do đó NSG bị cưỡng chế bằng biện pháp phong tỏa tài khoản và tạm ngừng sử dụng hóa đơn từ 07/06/2024 đến 06/06/2025. Đây là vi phạm nghiêm trọng pháp luật về thuế, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và uy tín của Công ty. Ban Kiểm soát nhận thấy HĐQT, TGD NSG chưa có biện pháp kịp thời để xử lý dứt điểm tình trạng trên trong năm 2024, ngoài ra BKS khuyến nghị HĐQT, TGD NSG cần làm việc với cơ quan thuế để giãn lịch trả nợ thuế hoặc có giải pháp thanh toán, tránh phát sinh phạt và lãi chậm nộp, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nợ nhà cung cấp khác:

Stt	Tên khách hàng	31/12/2024 (VNĐ)
1	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV	100.740.000
2	Công ty TNHH Khôi Việt	2.063.665.000
3	Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Tân Kỷ Nguyên	771.496.099
4	Ông Lê Văn Thành	23.003.000.000
5	Các nhà cung cấp khác	2.614.795.182
	Tổng cộng	28.553.696.281

- Khả năng thanh toán nợ = Tổng tài sản/Nợ phải trả: $(68.236.228.785 / 90.442.980.511) \approx 0,7546 < 1$, nghĩa là tổng tài sản không đủ để thanh toán tổng nợ phải trả.

Đây là mức cực kỳ rủi ro: nếu bị yêu cầu thanh toán toàn bộ nợ, công ty sẽ không có đủ tài sản để trả và công ty đang vượt ngưỡng rủi ro phá sản về mặt kỹ thuật.

- Hệ số thanh toán nhanh = $((\text{tài sản ngắn hạn} - \text{hàng tồn kho}) / \text{Nợ ngắn hạn}) = ((11.752.593.531 - 2.446.514.916) / 88.675.980.511) = 0,104 < 1$ và cực kỳ thấp, điều này có nghĩa là NSG không có đủ tài sản thanh khoản để trả nợ ngắn hạn, rủi ro thanh toán nợ rất lớn và công ty cần phải có biện pháp cải thiện thanh khoản nhanh chóng.

IV. Một số các hoạt động trọng tâm khác:

1. Về công tác công bố thông tin tuân thủ pháp luật chứng khoán:

Thông tin công bố được công bố trên website Công ty, đồng thời báo cáo công bố với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo đúng quy định.

2. Về tình hình quản lý, khai thác, sử dụng tài sản của NSG:

NSG được Ủy ban nhân dân thành phố giao quản lý sử dụng các mặt bằng sau:

Stt	Địa chỉ khu đất	Mục đích sử dụng Đất	DT theo hợp đồng thuê đất (m ²)	Đơn giá năm 2023 (đồng/m ²)	Đơn giá năm 2024 (đồng/m ²)	Tỷ lệ tăng
1	242 Trần Phú, P.9, Q.5	Văn phòng, cửa hàng trưng bày và giới thiệu sản phẩm ngành nhựa	1325,3	2.217.600	2.217.600	-
2	226 Trần Phú, P.9, Q.5	Kho chứa hàng	933,9	962.280	962.280	-
3	50A Bến Phú Định, P.16, Q.8	Văn phòng, kho chứa hàng và xưởng sản xuất	7.645,4	99.944	187.488	53%
4	1048 (số mới 1101) Lò Gốm, P.7, Q.6 (quy hoạch công viên cây xanh và công trình công cộng)	Kho chứa hàng và xưởng sản xuất khuôn mẫu	511,7	281.081	281.081	-
5	361/19-25 Phạm Văn Chí, P.3, Q.6	Kho chứa hàng	318	253.344	253.344	-
6	165 Lê Thị Bạch Cát, P.11, Q.11	Kho chứa hàng	69,6	804.384	80.384	-

2.1. Đối với Khu đất 226 và 242 Trần Phú, P.9, Q.5, TP. HCM:

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, NSG đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác là Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư và phát triển Tiên Sơn nhằm nâng cao hiệu quả khai thác mặt bằng số 242 Trần Phú.

Nhựa Sài Gòn đã di dời văn phòng và bàn giao từ ngày 12 tháng 02 năm 2025 đồng thời khởi hành chính bắt đầu làm việc tại văn phòng số 50A Phú Định từ sau tết Nguyên Đán.

Mặt bằng số 226 Trần Phú, Phường 9, Quận 5 có vị trí là mặt tiền đường Trần Phú nhưng công ty được bàn giao quản lý để làm kho chứa hàng hóa, sản phẩm

Từ ngày 01 tháng 06 năm 2022, khi cửa hàng tạm đóng, hàng hóa của kho 226 cũng chuyển về kho nội bộ và mặt bằng này vẫn để trống đến hết tháng 01 năm 2024, sau đó NSG đã hợp tác với 01 cá nhân để đầu tư, khai thác khu đất này (hiện tại là tiệm bi-da) để tránh lãng phí nguồn lực của công ty nhưng việc cho thuê này không đúng mục đích sử dụng theo Hợp đồng thuê đất của NSG ký với Sở Tài nguyên Môi trường làm tăng nguy cơ bị thu hồi đất do sử dụng đất không đúng mục đích.

Việc khai thác mặt bằng chưa tối ưu công suất, NSG còn nợ tiền thuê 2 mặt bằng này, đơn giá thuê đối với mặt bằng tại 242 Trần Phú là 2.217.600 đồng/m²/năm và 226 Trần Phú là 962.280 đồng/m²/năm. Tiền thuê đất phải trả mỗi năm cho mặt bằng 242 Trần Phú là 1.325,3m² x 2.217.600 = 2.938.985.280 đồng/năm và mặt bằng 226 Trần Phú là 933,9m² x 962.280 = 898.673.292 đồng/năm.

Tính đến hết năm 2024, công ty nợ tiền thuế là 17.551.532.383 đồng theo Thông báo số 58947/TB-CCT-KDT của Chi cục thuế Quận 5.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 11799/STNMT-TTr báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, ý kiến về việc sử lý các khu đất của NSG (văn bản không gửi NSG); Tại Văn bản này, liên quan việc sử dụng đất tại địa chỉ số 226 Trần Phú, Sở Tài Nguyên và Môi trường tiếp tục đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố theo hướng thu hồi đất như chỉ đạo tại Công văn số 4254/UBND-ĐT trước đây.

Do đó, Tổng Giám đốc NSG cần nghiên cứu giải pháp và chấp hành đúng mục đích sử dụng đất đối với khu đất 226 Trần Phú theo quy định pháp luật hoặc nghiên cứu thực hiện, xin bổ sung mục đích sử dụng đất theo đúng quy định ngoài ra cần xây dựng phương án cụ thể để thực hiện trả tiền nợ thuế đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của NSG.

2.2. Đối với Khu đất 50A Bến Phú Định, P.16, Q.8, TP. HCM:

Mặt bằng tại số 50A Bến Phú Định hiện đang được sử dụng làm văn phòng làm việc, kho chứa hàng và Nhà máy sản xuất sản phẩm chính của NSG.

Tính đến ngày 11 tháng 7 năm 2024, công ty còn nợ tiền thuế 2.587.941.979 đồng theo Thông báo số 383664/TB-CCTQ8 của Chi cục thuế Quận 8, hiện đơn vị đang thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/yêu cầu phong tỏa các tài khoản ngân hàng theo các Quyết định số 5114-QĐ-CCT-CC, 5115-QĐ-CCT-CC, 5116-QĐ-CCT-CC, 5117-QĐ-CCT-CC, 5118-QĐ-CCT-CC, 5119-QĐ-CCT-CC, 5120-QĐ-CCT-CC ngày 26 tháng 7 năm 2024.

2.3. Đối với Khu đất 165 Lê Thị Bạch Cát, P.11, Q.11, TP. HCM:

Theo Biên bản đấu giá tài sản số 14-2017/BB-BĐG ngày 26 tháng 12 năm 2017 với kết quả Ông Lê Văn Thành là người mua được tài sản tại số 165 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh với giá là 23.003.000.000 đồng.

Hiện tại giữa công ty và Ông Lê Văn Thành đã có biên bản hủy giao dịch và phía Ông Thành yêu cầu hoàn trả tiền lại cộng với lãi trên số tiền đã nộp và Ông Lê Văn Thành sẽ trả lại mặt bằng cho Nhựa Sài Gòn.

Tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2024, công ty còn nợ thuế 74.821.788 đồng theo Thông báo số 48231/TB-CCT của Chi cục thuế Quận 11. Đơn vị cũng đang thực hiện Quyết định số 745/QĐ-CCT-CC, 746/QĐ-CCT-CC ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thuế quận 11 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/yêu cầu phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng.

2.4. Đối với Khu đất 1101 (Số cũ 1048) Lò Gốm, P.7, Q.6, TP. HCM:

Mặt bằng khu đất thấp hơn mặt đường 1,5m, khu đất không thể sử dụng đúng như mục đích thuê đất, đơn vị đang ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với đại lý của công ty, bán sản phẩm của cả hai bên theo đúng như Giấy đăng ký kinh doanh.

Ngày 16 tháng 10 năm 2022, NSG có gửi Công văn số 34/CV-NSG đến Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xin phép phục hồi khung nhà xưởng đã tháo dỡ

tại 1101 Lò Gốm, Phường 7, Quận 6 để xin chuyển mục đích thuê, khai thác mặt bằng đến khi có quyết định thu hồi của các cơ quan ban ngành thành phố.

Khu đất 1101 Lò Gốm, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc diện quy hoạch làm đường giao thông.

NSG cũng đã trình cơ quan có thẩm quyền tại địa phương xin phục hồi, xây dựng lại khu nhà xưởng mới nhưng không được địa phương cho phép. Mục đích của Hợp đồng thuê đất là xưởng sản xuất kinh doanh. Khi các đoàn kiểm tra liên ngành của Phường 7, Quận 6 yêu cầu đơn vị sử dụng đúng mục đích của hợp đồng thuê đất (làm nhà xưởng, khuôn mẫu) hiện không còn phù hợp với khu vực dân cư sinh sống; việc khai thác tạm thời không được địa phương cho phép và có biên bản nhắc nhở khắc phục, yêu cầu đóng cửa.

Hiện tại, NSG đã hợp tác kinh doanh với đối tác kinh doanh mới đối với các sản phẩm nhựa của NSG, thay thế cho đối tác cũ tại đây để tăng dòng tiền thu về cho công ty, tránh lãng phí.

Công ty còn nợ tiền thuê đất là 143.829.148 đồng theo Thông báo số 131/TB-CCTQ6 ngày 24 tháng 4 năm 2024, theo đó ngày 15 tháng 7 năm 2024, đơn vị nhận được Quyết định giảm tiền thuê đất năm 2023 tại số 1101 Lò Gốm, số tiền được giảm là 43.148.744 đồng.

Do đó, Tổng Giám đốc NSG cần nghiên cứu giải pháp và chấp hành đúng mục đích sử dụng đất đối với khu đất này đồng thời kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố tạo điều kiện cho phép đơn vị ký Phụ lục hợp đồng thuê đất, điều chỉnh mục đích thuê đất từ xưởng sản xuất khuôn mẫu thành đất thương mại, dịch vụ để đơn vị có thể khai thác mặt bằng theo đúng giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty.

2.4. Đối với Khu đất 361/19-25 Phạm Văn Chí, P.3, Q.6, TP. HCM:

Tầng trệt để trống nguyên nhân do nền nhà xưởng xuống cấp, ngập nước công ty đã chuyển hàng hóa về kho tập trung tại 226 Trần Phú.

Trên tầng 1, cựu cán bộ, công nhân viên NSG đang lưu trú và có 03 hộ dân sinh sống tại đây từ trước 1975 (01 hộ ở tầng trệt và 02 hộ ở tầng 1 sử dụng cầu thang chung), được chính quyền địa phương cấp sổ hộ khẩu thường trú, số nhà đầy đủ trước khi bàn giao cho Nhựa Sài Gòn quản lý. Đơn vị đã có làm việc với các hộ dân này nhưng đều không đạt được mục đích thỏa thuận bàn giao, di dời.

Hợp đồng thuê đất số 2522/HĐ-TĐ ngày 24 tháng 12 năm 1997 đã hết hạn, đơn vị chưa thể ký hợp đồng mới do ngày 02/04/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh có gửi Công văn số 1748/TNMT-QLSDD yêu cầu Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn di dời các hộ dân để lập thủ tục sử dụng đất làm kho chứa hàng.

Kể từ ngày được bàn giao tài sản theo Quyết định số 4733 của UBND Thành phố, NSG chưa được thực tế tiếp quản, sử dụng, khai thác khu đất và tài sản trên đất và cơ sở vật chất đối với mặt bằng này xuống cấp nghiêm trọng, còn tồn tại 3 hộ dân sinh sống tại đây đơn vị đang cân đối tài chính thực hiện di dời và hiện tại trong giai đoạn khó khăn chưa thực hiện được.

Công ty còn nợ tiền thuê đất là 80.563.392 đồng theo Thông báo số 241/TB-CCTQ6 ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Do đó, Tổng Giám đốc cần tiếp tục theo dõi, có văn bản kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép NSG trả lại mặt bằng này đồng thời xem xét miễn tiền thuê đất đối với khu đất này.

3. Về khoản tiền nợ 2.053.000.000 đồng của Công ty TNHH TOAVINA (TOAVINA):

Theo thông tin do Công ty TOAVINA cung cấp, trong năm 2020, TOAVINA đã thực hiện 03 ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn (NSG), với nội dung ghi rõ là “tạm ứng tiền hàng”, cụ thể như sau: Ngày 20/02/2020: 1.553.000.000 đồng, ngày 05/03/2020: 250.000.000 đồng, ngày 05/03/2020: 250.000.000 đồng, tổng cộng: 2.053.000.000 đồng.

Tuy nhiên, qua rà soát thực tế tại NSG, Ban Kiểm soát nhận thấy các khoản tiền trên đã không được sử dụng cho mục đích cung cấp hàng hóa như nội dung ủy nhiệm chi, mà thay vào đó NSG đã dùng tiền của TOAVINA để thanh toán các khoản nợ ngân hàng đang đến hạn. Tại thời điểm tiếp nhận và sử dụng khoản tiền nêu trên, giữa NSG và TOAVINA chưa có hợp đồng vay vốn chính thức nào được ký kết.

Khi đơn vị kiểm toán độc lập tiến hành kiểm tra, đã xác định bản chất của giao dịch là khoản vay có lãi giữa NSG và TOAVINA. Để hợp thức hóa giao dịch, nguyên Tổng Giám đốc NSG nhiệm kỳ 2019–2024 đã tiến hành đàm phán với TOAVINA và hợp thức hóa hồ sơ bằng việc thực hiện ký kết hợp đồng vay vốn. Đến năm 2024, hai bên tiếp tục ký hợp đồng để điều chỉnh lãi suất từ mức cố định 2%/tháng sang mức lãi suất tham chiếu theo mặt bằng lãi suất ngân hàng tại thời điểm ký kết.

Tuy nhiên, trong giai đoạn từ tháng 6/2020 đến tháng 4/2024, NSG đã thực hiện thanh toán tiền lãi với tổng số tiền là 1.859.080.000 đồng vào tài khoản cá nhân của bà Thảo (TOAVINA), việc thanh toán lãi vay bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân, cùng với việc ghi nhận nội dung chuyển tiền của TOAVINNA là “tạm ứng tiền hàng”, được xác định là không phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán, tài chính và nguyên tắc giao dịch giữa các pháp nhân. Cụ thể:

- Việc hạch toán nội dung chuyển tiền là “tạm ứng tiền hàng” không phản ánh đúng bản chất của giao dịch là vay – cho vay vốn.

- Việc thanh toán lãi vay vào tài khoản cá nhân của người đại diện đối tác là không phù hợp với nguyên tắc thanh toán qua tài khoản pháp nhân và không đảm bảo tính minh bạch theo quy định của Luật Kế toán và các quy định có liên quan.

Căn cứ vào các nội dung nêu trên, đề nghị Tổng Giám đốc NSG làm việc và đàm phán với TOAVINA để thống nhất phương án xử lý dứt điểm toàn bộ khoản giao dịch nêu trên đảm bảo đúng bản chất kinh tế, tuân thủ quy định pháp luật về kế toán, tài chính.

4. Về công tác bàn giao giữa hai nhiệm kỳ Tổng Giám đốc NSG:

Thực hiện theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 9 năm 2024, Tổng Giám đốc giữa 2 nhiệm kỳ đã thực hiện bàn giao đầy đủ các khoản mục theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị NSG.

C. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2024):

1. Về công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT):

- Trong năm 2024, BKS nhận định rằng HĐQT đã nỗ lực trong việc điều hành Công ty trong bối cảnh thị trường và nội tại NSG còn rất nhiều khó khăn. HĐQT đã thực hiện đầy đủ các quyền hạn, trách nhiệm được giao, hoạt động quản trị của HĐQT đã tuân thủ đúng các quy định theo Điều

lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành khác. Các cuộc họp HĐQT, Đại hội đồng cổ đông, việc công bố thông tin và lưu trữ hồ sơ được thực hiện đúng quy định. HĐQT theo dõi và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, đã đề ra các chủ trương, định hướng phát triển Công ty, đồng thời HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ đúng quy định, ban hành nghị quyết để chỉ đạo hoạt động Công ty bao gồm các quyết định quan trọng như bổ nhiệm nhân sự chủ chốt (bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng...), bầu Chủ tịch HĐQT mới và Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2024–2029 đều được thực hiện công khai, minh bạch, tuân thủ theo quy định Điều lệ NSG và quy định hiện hành của pháp luật.

- HĐQT đã đơn độc, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc quản lý, sử dụng đối với các địa chỉ khu đất được Nhà nước giao, đẩy mạnh công tác khai thác sử dụng có hiệu quả đối với tài sản của Công ty, thúc đẩy giải quyết các công việc còn tồn đọng theo ý kiến ngoại trừ của Công ty kiểm toán và công tác bàn giao giữa nguyên TGD NSG và TGD NSG đương nhiệm, chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của đơn vị.

Tuy nhiên, các sai sót và vi phạm đã được nêu trên, bao gồm việc phát sinh nợ thuế kéo dài, các khoản nợ đến hạn chưa thanh toán, thất thoát tài sản và thiếu hụt hàng tồn kho, cho thấy hệ thống kiểm soát nội bộ của NSG hiện nay còn nhiều hạn chế và chưa phát huy hiệu quả.

Cụ thể, quy trình theo dõi và quản lý công nợ chưa được thiết lập chặt chẽ, dẫn đến việc để tồn đọng một lượng lớn các khoản phải thu khó đòi; công tác quản lý tài sản còn thiếu sót khi một số giao dịch thanh lý tài sản không có đầy đủ hồ sơ chứng từ theo quy định, đồng thời chưa có biện pháp kiểm soát hiệu quả đối với hàng tồn kho dẫn đến phát sinh thiếu hụt; việc tuân thủ pháp luật về thuế còn chưa nghiêm túc, thể hiện qua việc để phát sinh và kéo dài nợ thuế trong nhiều kỳ kế toán liên tiếp mà không có giải pháp xử lý kịp thời.

Ban Kiểm soát nhận thấy, hệ thống kiểm soát nội bộ chưa thực hiện đầy đủ chức năng cảnh báo và phòng ngừa rủi ro, dẫn đến việc không phát hiện và ngăn chặn kịp thời các sai phạm nêu trên. Bên cạnh đó, đến thời điểm hiện tại, Ban Kiểm soát chưa ghi nhận được việc Hội đồng quản trị ban hành hoặc triển khai các chính sách quản trị rủi ro một cách rõ ràng, hệ thống và hiệu quả.

Từ đó, Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc cần khẩn trương rà soát, đánh giá và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty, đồng thời xây dựng và triển khai quy trình quản trị rủi ro phù hợp với đặc thù hoạt động, trong đó đặc biệt chú trọng đến kiểm soát dòng tiền, giám sát công nợ, tài sản và nghĩa vụ thuế nhằm đảm bảo tính tuân thủ, minh bạch và ngăn ngừa tình trạng mất cân đối tài chính kéo dài.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát nhận thấy trong năm 2024, việc phối hợp và hỗ trợ từ phía các thành viên Hội đồng Quản trị còn rất hạn chế (không liên hệ được), đặc biệt là đối với các thành viên gồm ông Hà, ông Phước và ông Năm (nghỉ việc tại CNS từ ngày 28 tháng 8 năm 2024). Việc thiếu sự phối hợp từ các thành viên nêu trên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả giám sát và công tác quản trị chung của Công ty.

2. Về công tác điều hành của Tổng giám đốc:

- Trong năm 2024, TGD đã chủ động triển khai các biện pháp tiết giảm chi phí và ổn định hoạt động sản xuất. Việc cắt giảm mạnh chi phí quản lý và bán hàng trong năm 2024 như phân tích ở phần trên cho thấy nỗ lực đáng ghi nhận của TGD trong việc tái cơ cấu, tinh giản bộ máy. Tuy nhiên, hiệu quả chưa đạt yêu cầu, thể hiện qua kết quả kinh doanh vẫn thua lỗ nặng. Ban Kiểm soát

cho rằng TGD cần chủ động và quyết liệt hơn trong việc xử lý các tồn tại tài chính, rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị công ty, đặc biệt trong quản lý công nợ và hàng tồn kho, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Ngoài ra, TGD cũng tích cực tìm kiếm đơn hàng cho các nhóm sản phẩm công nghiệp (Pallet, Thùng rác, thùng container và Sản phẩm phục vụ cho giao thông). Tuy nhiên do hạn chế về thị trường, các nhóm sản phẩm như Pallet, thùng rác và thùng container thì gần như không có lợi thế cạnh tranh so với đối thủ vì chi phí giá vốn quá cao nên gần như không có sức cạnh tranh ngoài thương hiệu lâu năm là “Nhựa Sài Gòn” các yếu tố cạnh tranh khác gần như đều thua mọi đối thủ trên thị trường và việc bị ngừng sử dụng hóa đơn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến doanh thu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hoạt động điều hành của TGD cơ bản tuân thủ đúng các quy định theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành khác. Tuy nhiên, Ban Kiểm soát nhận thấy TGD chưa thực hiện báo cáo về các nội dung liên quan đến hình hình tài chính, dòng tiền, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của NSG, việc thực hiện báo cáo giám sát tài chính đặc biệt, đồng thời TGD cần xây dựng phương án đổi mới phương thức điều hành, tích cực tìm kiếm đơn hàng, khách hàng mới, đồng thời cơ cấu lại hoạt động để giảm lỗ theo đúng quy định.

- Lưu ý: TGD cần quan tâm đến việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, Biên bản họp HĐQT, các kiến nghị của Ban Kiểm soát và các ý kiến loại trừ của đơn vị kiểm toán cũng như triển khai và thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định.

D. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG NĂM 2024:

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phối hợp làm việc trên tinh thần trung thực, khách quan, chủ động tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của Công ty.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã xây dựng Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đã xây dựng Dự thảo Quy chế hoạt động Ban kiểm soát NSG và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bên cạnh đó, những ý kiến đóng góp, nhận định, đề xuất của Ban Kiểm soát trong các cuộc họp về hoạt động của NSG được Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ghi nhận và triển khai thực hiện.

Các cổ đông lớn hiện nay đa phần không hề có động thái nào thể hiện sự quan tâm đến hoạt động của NSG cũng như hỗ trợ khôi phục NSG.

E. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát công tác quản trị và quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ thường niên năm 2025.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán đối với công ty đại chúng.

- Kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản, các quy trình, quy chế của Công ty có phù hợp Điều lệ Công ty với các quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

F. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Qua các nội dung báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty năm 2025, Ban Kiểm soát đưa ra một số kiến nghị như sau:

1. Đề nghị Tổng Giám đốc tiếp tục chỉ đạo, phân công các phòng, ban giải trình và có các biện pháp khắc phục theo ý kiến của đơn vị kiểm toán và thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định.

2. Đề nghị Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo các nội dung liên quan đến hình hình tài chính, dòng tiền, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của NSG định kỳ mỗi tháng, việc thực hiện báo cáo giám sát tài chính đặc biệt và xây dựng phương án đổi mới phương thức điều hành, tích cực tìm kiếm đơn hàng, khách hàng mới, đồng thời cơ cấu lại hoạt động để giảm lỗ theo đúng quy định.

3. Đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc khẩn trương rà soát, đánh giá và xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty, đồng thời xây dựng và triển khai quy trình quản trị rủi ro phù hợp với đặc thù hoạt động, trong đó đặc biệt chú trọng đến kiểm soát dòng tiền, giám sát công nợ, tài sản, nghĩa vụ thuế, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhằm đảm bảo tính tuân thủ, minh bạch, đúng quy định pháp luật và ngăn ngừa tình trạng mất cân đối tài chính kéo dài.

4. Đề nghị Tổng Giám đốc chủ động làm việc với các chủ nợ để đàm phán gia hạn nợ, cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ, đặc biệt là khoản vay ngân hàng và đối tác đang bị thi hành án cần có phương án xử lý cụ thể.

5. Đề nghị Tổng Giám đốc cần quyết liệt thu hồi các khoản phải thu tồn đọng. Đối với khoản nợ khách hàng còn trong hạn, phải tích cực đối chiếu, thu hồi sớm tránh rơi vào quá hạn. Đối với các khoản nợ xấu đã trích dự phòng, cần xem xét biện pháp pháp lý (khởi kiện đòi nợ nếu có cơ sở), hoặc thương lượng đổi trừ công nợ hoặc thuê đơn vị thu nợ chuyên nghiệp hỗ trợ để thu hồi tối đa có thể từ các khoản phải thu để cải thiện dòng tiền. Bên cạnh đó, cần cử người trực tiếp theo dõi và thu hồi, đồng thời báo cáo thời gian cụ thể để hoàn thành việc thu hồi những công nợ khó đòi này.

6. Đề nghị Tổng Giám đốc ưu tiên bố trí nguồn tiền để nộp dần tiền thuê đất còn nợ trong năm 2025. Việc sớm giải quyết nợ thuế sẽ giúp Chi cục Thuế khu vực II gỡ bỏ biện pháp cưỡng chế, khôi phục quyền phát hành hóa đơn, từ đó Công ty mới có thể trở lại kinh doanh bình thường. Ngoài ra, mọi giao dịch thanh lý tài sản, chuyển nhượng... trong tương lai cần lập đầy đủ hồ sơ, có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng quy định pháp luật.

7. Đề nghị Hội đồng quản trị tổ chức rà soát, đánh giá lại toàn diện chiến lược kinh doanh hiện hành, từ đó xác định các định hướng phát triển phù hợp với tình hình thực tế và năng lực tài chính của Công ty, trong đó, cần ưu tiên nghiên cứu khả năng hợp tác với các đối tác chiến lược nhằm tận dụng hiệu quả các nguồn lực về vốn, công nghệ và thị trường. Đồng thời, kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét cơ cấu lại danh mục sản phẩm, tập trung phát triển các dòng sản phẩm nhựa có thể mạnh cạnh tranh, biên lợi nhuận cao và thị trường tiêu thụ ổn định; loại bỏ dần các sản phẩm không hiệu quả hoặc tiêu thụ kém. Bên cạnh đó, cần triển khai kế hoạch thanh lý các tài sản cố định không còn nhu cầu sử dụng, đã lạc hậu hoặc đã hết thời gian khấu hao nhằm thu hồi vốn.

8. Đề nghị Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 khả thi, với các biện pháp cụ thể để tăng doanh thu (mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm mới, cải thiện dịch vụ khách hàng) và cắt giảm chi phí triệt để (tinh giản bộ máy, tiết kiệm chi phí quản lý, tối ưu sản xuất).

9. Đề nghị Tổng Giám đốc nghiên cứu giải pháp và chấp hành đúng mục đích sử dụng đất đối với các khu đất giao NSG quản lý sử dụng đảm bảo theo quy định pháp luật.

10. Đề nghị Tổng Giám đốc làm việc và đàm phán với TOAVINA để thống nhất phương án xử lý dứt điểm toàn bộ khoản giao dịch nêu trên đảm bảo đúng bản chất kinh tế, tuân thủ quy định pháp luật về kế toán, tài chính.

11. Đề nghị Tổng Giám đốc xem xét cân đối nhân sự, cơ cấu lại nhân sự và bố trí lại cho phù hợp với tình hình hiện tại, tận dụng và phát huy tối đa nguồn lực con người.

12. Đề nghị Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ hàng tháng cho Ban Kiểm soát về tiến độ khắc phục các tồn tại (thu nợ, trả nợ, v.v...) để Ban Kiểm soát tiếp tục theo dõi sát sao và báo cáo kịp thời đến Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông nếu phát sinh vấn đề bất thường

Trên đây là những nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Rất mong nhận được sự góp ý chân thành của Quý Đại biểu, Quý cổ đông để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong năm 2025.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp, trân trọng cảm ơn./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

-ĐHĐCĐ;
-HĐQT, TGD;
-Lưu: BKS.

Huỳnh Mẫn Thành

15
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

TỜ TRÌNH

(Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và
phân phối lợi nhuận năm 2024)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn đã được kiểm toán, ký ngày 28/02/2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) và đã công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (Website: www.saigonplastic.com.vn), bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập.
2. Bảng cân đối kế toán.
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024.
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Báo cáo tài chính
	Tổng tài sản	đồng	68.236.228.785
	Tổng doanh thu và thu nhập khác	đồng	10.878.082.919
	Lợi nhuận trước thuế	đồng	(9.759.132.938)
	Lợi nhuận sau thuế	đồng	(9.759.132.938)

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 ghi nhận lỗ nên không phân phối lợi nhuận đến cổ đông cho năm tài chính 2024.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Ngọc Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

TỜ TRÌNH

(Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn ngày 15/7/2016.

Nhằm tạo điều kiện cho Hội đồng quản trị trong công tác giám sát điều hành, kiểm tra kết quả kinh doanh được minh bạch công khai và đảm bảo quyền lợi của Cổ đông trong năm tài chính 2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông danh sách hai (02) đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025 như sau:

1. ...

2. Công ty Kiểm toán độc lập khác có chức năng theo danh sách Công ty kiểm toán được duyệt của Ủy ban chứng khoán Nhà nước/Bộ Tài chính theo đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một (01) trong hai (02) đơn vị kiểm toán trên cho năm tài chính 2025.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Ngọc Nam

17

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;**Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;**Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn ngày 15/7/2016;**Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn.*

Để có cơ sở vững chắc cho hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tiến hành chỉnh sửa, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn theo các mẫu áp dụng cho công ty đại chúng, theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty mới của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn.

Trân trọng./.**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH****Vũ Ngọc Nam**

18

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;**Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;**Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn ngày 15/7/2016;**Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn.*

Để đảm bảo công tác giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn tuân thủ đúng các quy định trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn theo các mẫu áp dụng cho công ty đại chúng, theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị mới của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn.

Trân trọng./.**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH****Vũ Ngọc Nam**

18.2



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN

242 Trần Phú, Phường 9, Quận 5, Tp. HCM

Tel: (08) 3830 4977 – 3835 8999 – Fax: (08) 3830 8530

Website: www.saigonplastic.com.vn

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tp. Hồ Chí Minh, ngàytháng..... năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /HĐQT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025***QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN***Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;**Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty**Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn**Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số.....ngày....tháng....năm 2024**Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn, bao gồm các nội dung sau:***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường; hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp, thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán cung cấp.

- **Người thực hiện công bố thông tin của Công ty thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.**

- **Công ty sẽ gửi hồ sơ thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chậm nhất tám (08) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.**

- **Trên cơ sở danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông do VSDC cung cấp, Hội đồng quản trị thông qua danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty do Tổng giám đốc lập để gửi thư thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông.**

c) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

- Thông báo Đại hội cổ đông phải được gửi trước ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình Đại hội cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

- Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: Chương trình Đại hội, các tài liệu sử dụng trong Đại hội; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên; Tờ trình về các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình Đại hội.

- Các nội dung khác có liên quan thực hiện theo Điều 18 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

d) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

- Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế này để trình Hội đồng quản trị phê duyệt triển khai thực hiện. Kế hoạch tổ chức bao gồm thời gian dự kiến, địa điểm tổ chức dự kiến, các trình tự, thủ tục, nội dung công việc cần phải thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, tiến độ thực hiện, cơ sở vật chất và các đầu mục công việc khác để chuẩn bị, thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Hội đồng quản trị quyết định việc phân công nhân sự có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, kịch bản tổ chức, văn kiện phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, phân công nhân

sự phụ trách các công tác chuẩn bị, tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

- Trường hợp Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường chỉ định nhân sự phụ trách công tác chuẩn bị, tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường và quyết định tất cả các vấn đề liên quan theo quy định pháp luật hiện hành.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối những đề xuất trên thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp từ chối đề xuất theo quy định trên; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

đ) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 16 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

e) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- Trước khi khai mạc Đại hội, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

g) Điều kiện tiến hành được thực hiện theo Điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 20 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

h) Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua được thực hiện theo Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

i) Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu:

Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu tùy theo nội dung lấy ý kiến. Cách thức biểu quyết sẽ được quy định cụ thể và thông qua tại Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát việc kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

Khi tiến hành kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông sẽ đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến hoặc không hợp lệ của từng vấn đề được Chủ tọa thông báo theo Quy chế làm việc của Đại hội.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

k) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời gian chín mươi (90) ngày, kể từ ngày Biên bản Đại hội hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được công bố, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;

- Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

l) Việc lập Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thủ tục công bố thông tin được thực hiện theo Điều 23 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và quy định pháp luật.

Nghị quyết Đại hội phải được công bố thông tin bất thường theo quy định và đăng tải lên trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo Điều 22 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

- Về các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông và thông qua bằng văn bản:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- Định hướng phát triển Công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty bằng văn bản hoặc qua thư điện tử nội bộ của Công ty.

- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây được thực hiện theo Điều 25, Điều 26 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị; Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị; Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại Điều 28, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát; Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát; Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát; Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát; Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát; Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được quy định và thực hiện theo mục IX Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc; Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc; Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc; Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc; Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc quy định và thực hiện theo mục VIII Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

2. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi:

a) Theo nhu cầu thực tế quản trị Công ty;

b) Hợp đồng lao động giữa Công ty và Tổng Giám đốc đã hết thời hạn hoặc Tổng Giám đốc bị xử lý kỷ luật sa thải;

c) Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, quy chế nội bộ, nội quy lao động của Công ty hoặc không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công ;

d) Tổng Giám đốc có hành vi phạm pháp luật và bị truy tố trước pháp luật.

đ) Tổng Giám đốc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

3. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc.

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng Quản trị;

Khi bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ;

Trong vòng 24 giờ kể từ ngày công bố thông tin này, Công ty gửi bản cung cấp thông tin của Tổng Giám đốc cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc; Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Ban Kiểm soát được quyền tham gia họp Hội đồng Quản trị, được quyền có ý kiến nhưng không biểu quyết.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải đảm bảo rằng thông báo mời họp, chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp phải được gửi đến Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc tham dự cuộc họp cùng thời điểm và theo cùng một phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát, Tổng giám đốc cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Các trường hợp Tổng Giám đốc hoặc Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị:

Việc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 3 Điều 30 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Đối với các vấn đề cần xin ý kiến, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phải xin ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi ý kiến trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phải gửi văn bản và các tài liệu liên quan đến Hội đồng quản trị trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và

quyền hạn được giao:

Chậm nhất ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với ngân sách và kế hoạch tài chính năm năm của Công ty

Hàng tháng và hàng quý, Tổng Giám đốc báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty cho Hội đồng Quản trị, kiến nghị những vấn đề cần được Hội đồng Quản trị giải quyết để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

d) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tiếp nhận tất cả các thông tin từ các bên liên quan, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền. Báo cáo phải nêu rõ quan điểm, đề xuất, phương án xử lý cụ thể từng vấn đề để Hội đồng quản trị quyết định.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập cách thức lưu chuyển thông tin đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các bên liên quan đảm bảo rằng trong mọi trường hợp các thông tin theo quy định được chuyển đến đúng địa chỉ, kịp thời, minh bạch và thuận lợi cho quá trình quản lý.

Khi có yêu cầu của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc phải báo cáo bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày đối với các vấn đề mà Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát đề nghị.

Trong quá trình điều hành, khi nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Tổng Giám đốc phải báo cáo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị để có biện pháp chỉ đạo xử lý.

Định kỳ vào tháng cuối quý, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát:

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy định nội bộ khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị;

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp, tạo điều kiện được tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo mật thông tin và sử dụng đúng mục đích đối với các hồ sơ, tài liệu được cung cấp, tiếp cận.

Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

Trước khi báo cáo các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát cần bàn bạc, thống nhất ý kiến với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Trường hợp không có sự thống nhất quan điểm, các bên có quyền bảo lưu ý kiến và lập biên bản xác nhận, trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kết luận bằng văn bản về các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của Ban Kiểm soát phải được gửi cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

2. Hội đồng quản trị quyết định vấn đề khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty;

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn bao gồm bảy (07) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm

Các nội dung khác liên quan đến phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

19

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;**Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;**Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn ngày 15/7/2016;**Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn.*

Để đảm bảo công tác kiểm soát hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn tuân thủ đúng các quy định, hiệu quả, Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn theo các mẫu áp dụng cho công ty đại chúng, theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động quản trị của Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn.

Trân trọng./.**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT****Huỳnh Mẫn Thành**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;**Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;**Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn ngày 15/7/2016;**Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn.*

Trên cơ sở những thay đổi của Pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn (sau đây gọi là “Công ty”), đồng thời với mục tiêu xây dựng Điều lệ ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty. Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ của Công ty được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Ngoài các sửa đổi, Điều lệ mới cũng có sửa đổi một số câu từ, thuật ngữ trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất, rõ nghĩa hơn nội dung và hình thức của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa).

Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số Điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Điều lệ mới cũng được thay đổi tương ứng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét Dự thảo Điều lệ mới của Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn.

Trân trọng./.**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Ngọc Nam

20.1**DỰ THẢO****CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

242 Trần Phú, Phường 9, Quận 5, Tp. HCM

Tel: (08) 3830 4977 – 3835 8999 – Fax: (08) 3830 8530

Website: www.saigonplastic.com.vn

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN***Tp. Hồ Chí Minh, ngàytháng..... năm 2024*

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	43
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	43
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	43
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	44
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	44
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	44
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	44
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	44
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	45
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	45
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập	45
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	46
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	46
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	46
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	47
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	47
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	47
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	47
Điều 12. Quyền của Cổ đông	47
Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông	49
Điều 14. Đại hội đồng Cổ đông.....	49
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	51
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	52
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	52
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	53
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	54
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông	54
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	56
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	57
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	58
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	59
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	59
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	59

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	60
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	61
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	62
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	62
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	63
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	64
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	65
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY	65
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	65
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	65
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	66
Điều 36. Thư ký Công ty.....	67
IX. BAN KIỂM SOÁT	67
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	67
Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát	68
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	68
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	68
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	69
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	69
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	70
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	70
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	70
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	71
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	71
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	72
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	72
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	72
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	72
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	72
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	72
Điều 49. Năm tài chính.....	73
Điều 50. Chế độ kế toán	73
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	73
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	73

Điều 52. Báo cáo thường niên.....	73
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	73
Điều 53. Kiểm toán	73
XVII. DẤU DOANH NGHIỆP.....	74
Điều 54. Dấu Doanh nghiệp	74
VIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	74
Điều 55. Giải thể công ty.....	74
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	74
Điều 57. Thanh lý.....	74
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	75
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	75
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	75
Điều 59. Điều lệ công ty.....	75
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	75
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	75



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn (dưới đây gọi là “Công ty”), là Công ty cổ phần, được thành lập theo Luật doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Cổ đông và Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) “Giấy chứng nhận nhân thân” là Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

đ) “Người Quản lý Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc;

e) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

g) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

h) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i) “Đại hội Cổ đông” là cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

2. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:

a) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của công ty thông qua sở hữu, thuê mướn cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;

b) Người quản lý Công ty, người điều hành, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;

c) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối Công ty.

d) Người có liên quan khác theo quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp hiện hành.

3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế;

4. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi, hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

Tên tiếng Anh: **SAIGON PLASTIC JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch: **SAIGON PLASTIC**

Tên viết tắt: **SGP**

2. Công ty là Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Trụ sở chính:

Địa chỉ: 242 Trần Phú - Phường 9 - Quận 5 - Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 38358999 – (84-8) 38304977

Fax: (84-8) 38308530

Website: www.saigonplastic.com.vn

- Xí nghiệp Nhựa Sài Gòn:

Địa chỉ: 50A Bến Phú Định - Phường 16 - Quận 8, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 38752771 – 398011947

Fax: (84-8) 38551705

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là 99 năm.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa dân dụng, nhựa trang trí nội thất, các sản phẩm nhựa chuyên dụng phục vụ ngành kinh tế - công nghiệp xây dựng, môi trường, giao thông vận tải.

- Sản xuất, mua bán các loại phương tiện vận tải và giao thông đường thủy được chế tạo từ nhựa composite. Các sản phẩm composite khác phục vụ cho các khu vui chơi giải trí, sân khấu nhà hát, sân vận động và các loại bồn bể chứa hóa chất và nước sinh hoạt cho các khu dân cư.

- Sản xuất, mua bán hạt nhựa tái sinh chất lượng cao từ phế liệu nhựa (không sản xuất tại trụ sở).

- Mua bán phế liệu (không mua bán tại trụ sở).

- Thiết kế chế tạo và kinh doanh các loại máy móc thiết bị và khuôn mẫu cho ngành nhựa.

- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, căn hộ.

- Kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký và phù hợp quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: đáp ứng các nhu cầu về nhựa trang trí nội thất, các sản phẩm về nhựa dân dụng,... của các đối tượng khách hàng trên thị trường, trên cơ sở làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và tối ưu hóa lợi ích của các Cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 86.392.080.000 đồng (tám mươi sáu tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.639.208 cổ phần (tám triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm lẻ tám cổ phần) với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

3. Công ty có thể điều chỉnh vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 ngày làm việc), để Cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Công ty có thể phát hành chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định pháp luật

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là Cổ đông của công ty.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8. Cổ phần bán với giá ưu đãi dành cho cán bộ nhân viên Công ty và cổ phần bán cho cổ đông chiến lược (được quy định cụ thể trong phương án phát hành cổ phần) và pháp luật có quy định khác. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm tương ứng) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 30% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền từ 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền trở lên;

k) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có thêm các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được;

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.

b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội cổ đông; Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là (03 ngày) làm việc trước ngày khai mạc.

Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng (phương tiện khác) theo quy định trong Điều lệ công ty.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c) Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành;

Trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát.

2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
- d) Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
- e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h) Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
- m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- n) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- o) Công ty ký kết hợp đồng với các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- q) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- r) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

a) Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

d) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi

cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường; hoặc Đại hội đồng Cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo Tờ trình các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình Đại hội;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (21 ngày) trước ngày khai mạc cuộc họp. (Tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được

gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình Đại hội, các tài liệu sử dụng trong Đại hội;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
 - c) Tờ trình các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình Đại hội.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối những đề xuất quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong thời hạn (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông

1. Trước khi khai mạc Đại hội, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được

tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không vượt quá ba người.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- c) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các Chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- đ) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- e) Hủy bỏ niêm yết chứng khoán;
- g) Đổi tên doanh nghiệp.
- h) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- i) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- k) Định hướng phát triển Công ty và Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- l) Các vấn đề khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ này.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Quy chế bầu cử của Công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Gửi thư : Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử

là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày biên bản Đại hội cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được công bố, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị:

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không cấm thành lập và không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn kinh nghiệm trong quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của các công ty khác.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (5) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b) Có đơn từ chức được chấp thuận;

c) Bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ thành viên đó không còn năng lực hành vi;

d) Không tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng Quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ, quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và người điều hành theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

d) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành;

đ) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

e) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.

Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện vào việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

h) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông, triệu tập Đại hội cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

p) Quyết định tổng quỹ lương hàng năm của Công ty;

q) Cử người đại diện ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và các lợi ích khác của họ.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và (Điều lệ công ty).

10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

11. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ vì một lý do nào đó thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là (07) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cách thức biểu quyết:

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp như điểm b dưới đây.

b) Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch, đề xuất nào mà thành viên đó hoặc người liên quan đến thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022 ngày 11 tháng 01 năm 2022.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (3/5) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu

ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc điều hành, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và

quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Kiến nghị số lượng và cơ cấu những người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm. Tư vấn đề Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với người điều hành.
- h) Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

i) Chậm nhất ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với ngân sách và kế hoạch tài chính năm năm của Công ty.

k) Tham mưu, trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty theo quy định pháp luật;

l) Có trách nhiệm phối hợp với Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo điểm b và c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này trong việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan, thực hiện công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông và sử dụng con dấu của Công ty phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này;

m) Tham mưu, đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty.

n) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đảm bảo đúng thời hạn quy định của pháp luật.

o) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động giữa Công ty và Tổng giám đốc đã ký kết.

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành.

Điều 36. Thư ký Công ty

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

2. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành

nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu Doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

VIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn nhất trí thông qua ngày..... tháng năm 2025 tại..... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn*Căn cứ đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn ngày ...tháng...năm...;**Căn cứ đơn từ nhiệm của thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn ngày 20 tháng 03 năm 2025;*

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn và bổ sung thành viên cho đủ túc số, Công ty sẽ bầu bổ sung **02** (Hai) thành viên Hội đồng quản trị và **01** (Một) thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029 tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Quý Cổ đông phát huy tinh thần trách nhiệm để ứng cử, đề cử những ứng viên đủ điều kiện theo qui định để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Nay thông báo đến Quý Cổ đông về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029 nội dung như sau:

1. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2016.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát dự kiến bầu bổ sung:

- **Số lượng: Bầu bổ sung 01 (Một) thành viên Hội đồng quản trị và 01 (Một) thành viên Ban Kiểm soát.**
- **Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Ban Kiểm soát bầu bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2024 – 2029.**

3. Quy định đề cử ứng viên Hội đồng quản trị:

- Là cổ đông, nhóm cổ đông (theo danh sách cổ đông của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 10/06/2025) nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết, có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Quy định đề cử ứng viên Ban kiểm soát:

- Là cổ đông, nhóm cổ đông (theo danh sách cổ đông của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 10/6/2025) nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết, có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên thành viên Ban kiểm soát.

- Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Hồ sơ ứng cử, đề cử và thời hạn nộp hồ sơ:

- Hồ sơ bao gồm:

- Nếu ứng cử thì phải có đơn xin ứng cử của cổ đông.
- Nếu đề cử phải có thư đề cử của cổ đông là cá nhân hoặc Biên bản họp đề cử của nhóm cổ đông đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Công ty.
- Sơ yếu lý lịch của Người ứng cử, Người đề cử trong thời hạn 06 tháng gần nhất.

- Thời gian:

- Hồ sơ ứng cử, đề cử được làm thành 02 bộ và gửi về văn phòng Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn, Địa chỉ: 242 Trần Phú, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.
- Thời hạn nhận hồ sơ: trước ngày **25/6/2025**.

6. Hết thời hạn quy định tại Mục 5 mà Ban tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn không nhận được bất kỳ hồ sơ ứng cử, đề cử hợp lệ, đủ điều kiện nào từ phía các cổ đông hoặc nhóm cổ đông thì:

a. Hội đồng quản trị sẽ xem xét và đề cử đủ số ứng cử viên có đủ điều kiện để giới thiệu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông 2025.

b. Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát, và Cơ chế này được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- *Cổ đông;*

- *Lưu: NSG.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Ngọc Nam